TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2019/HS-ST
Ngày 15-5-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Định

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Tạo

2. Ông Hà Văn Châu

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Trần Bảo Quốc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa***: Ông Trầm Minh Khang - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 24/2019/TLST-HS ngày 18-4-2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2019/QXXST-HS ngày 03-5-2019 đối với các bị cáo:

1. **Trần Lộc A**, sinh năm 1998; Nơi sinh: Sóc Trăng; Nơi thường trú: ấp H, thị trấn M, huyện X, tỉnh Sóc Trăng; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Nghề nghiệp: Sinh viên; Con ông Trần Quốc N (chết) và bà Kha Ngọc T; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 10-01-2019 cho đến nay. (có mặt)

2. **Lê Thái N**, sinh năm 1996; Nơi sinh: Sóc Trăng; Nơi thường trú: ấp P, xã T, huyện X, tỉnh Sóc Trăng; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo:

Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ văn hóa (học vấn): 09/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông Lê Minh Đ và bà Phương Thị Cẩm B; Có chồng và 01 con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị bắt, tạm giữ chuyển tạm giam từ ngày 11-01-2019 cho đến nay. (có mặt)

- *Bị hại*:

1. Bà **Lâm Thị Mỹ C**, sinh năm 1989; Nơi thường trú: Ấp Đ, xã T, huyện X, tỉnh Sóc Trăng; Nơi tạm trú: Nhà trọ M đường Q, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

2. Bà **Thạch Minh T**, sinh năm 1980; Nơi thường trú: Số 407 đường X, Khóm 6, Phường 7, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông **Đinh Điền T**, sinh năm 1994; Nơi thường trú: Số 607/20 đường Q, Khóm 3, Phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

2. Ông **Trần Quang H**, sinh năm 1992; Nơi thường trú: Số 140 đường L, Khóm 4, Phường 3, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Lộc A và Lê Thái N là bạn bè quen biết và có cùng sử dụng ma túy với nhau. Vào ngày 10-01-2019, để có tiền tiêu xài cá nhân, A và N đã 02 lần cùng nhau thực hiện hành vi điều khiển xe mô tô cướp giật tài sản của người khác trên địa bàn thành phố Sóc Trăng cụ thể như sau:

- Lần thứ 1: Vào khoảng hơn 16 giờ ngày 10-01-2019, Trần Lộc A mượn xe mô tô hiệu Wave màu trắng, biển số 83PT-160.33 của bà ngoại là Quản N đi đến một quán cà phê ở thị trấn M để gặp và uống cà phê cùng với Lê Thái N. Sau khi uống cà phê xong, thì cả hai rủ nhau đi ra thành phố S chơi nên N điều khiển xe mô tô 83PT-160.33 chở A ngồi phía sau rồi chạy lòng vòng các tuyến đường trong thành phố S chơi. Đến khoảng hơn 17 giờ cùng ngày, cả hai đến cổng khu công nghiệp A thuộc Phường 7, thành phố S thì N và A chạy vào bên trong rồi chạy về hướng cổng ra đường Quốc lộ 60. Khi đi đến đoạn trước cổng Công ty may T thuộc Khóm 1, Phường 7, thành phố S thì A nhìn thấy phía trước có chị Lâm Thị Mỹ C đang điều khiển xe mô tô hiệu Wave chạy cùng chiều,

trong túi quần trước bên trái có để nhô lên 01 điện thoại di động hiệu Oppo Neo 7 nên A nảy sinh ý định cướp giật điện thoại này. A chỉ cho N thấy điện thoại của chị C đang để nhô ra khỏi túi quần và hỏi "Lấy không anh?", tức là hỏi N cướp giật điện thoại này không thì N không trả lời nhưng biết rõ ý của A rủ cướp giật điện thoại và đồng ý nên điều khiển xe chạy lên trên rồi áp sát vào bên trái xe của chị C cho A giật điện thoại. Khi N áp sát xe thì A quay người qua bên xe của chị C rồi dùng tay phải nhanh chóng giật lấy điện thoại của chị C đang để trong túi quần, N nhìn thấy A đã giật được điện thoại thì tăng ga bỏ chạy về hướng đường Quốc lộ 60 để tẩu thoát.

Tại Kết luận định giá tài sản số 06/KL.ĐGTS ngày 14-01-2019 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng kết luận: 01 điện thoại di động hiệu OPPO neo 7, màu trắng, đã qua sử dụng, giá trị sử dụng còn lại là 60%, với số tiền là 01 x 2.190.000 đồng x 60% = 1.314.000 đồng.

- Lần thứ 2: Sau khi cướp giật xong điện thoại của chị C, N điều khiển xe mô tô chở A chạy từ đường Quốc lộ 60 đi qua đường tuyến tránh thành phố S đi về hướng Bạc Liêu. Khi đi đến trước cổng chùa S đoạn thuộc Khóm 3, Phường 7, thành phố S, A nhìn thấy phía trước có chị Thạch Minh T, sinh năm 1980, đang điều khiển xe mô tô hiệu Wave chạy cùng chiều, trong túi quần trước bên trái có để nhô ra 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J2 màu hồng thì A nảy sinh ý định tiếp tục cướp giật điện thoại này nên A chỉ cho N thấy điện thoại trong túi quần của chị T và nói "*lỡ rồi làm luôn đi anh*" thì N trả lời là "*thôi đi ba*" nhưng vẫn điều khiển xe chạy lên phía trước về hướng xe của chị T. Khi N chạy lên đến gần xe chị T thì A kêu N tấp xe vô để A giật điện thoại thì N điều khiển xe áp sát vào bên trái xe của chị T còn A ngồi phía sau dùng tay phải nhanh chóng giật lấy điện thoại đang để trong túi quần của chị T. N thấy A đã giật được điện thoại thì tăng ga bỏ chạy về hướng Bạc Liêu, khi đến đoạn giao với đường N thì N điều khiển xe rẽ trái vào đường này rồi đi theo đường Q để về nhà N ở xã T, huyện X. Còn chị T sau bị bị cướp giật điện thoại đã kịp nhìn được biển số xe của A nên đã đến công an để trình báo.

Sau khi A và N về nhà N ở xã T, huyện X thì cả hai cùng nhau tháo sim điện thoại ra vứt bỏ rồi bàn nhau đem điện thoại cướp giật được đem cầm cố lấy tiền tiêu xài. Do 02 điện thoại bị khóa mật khẩu nên N cùng với A đi đến cửa hàng điện thoại Đ ở Số 103 đường L, Phường 3, thành phố S để nhờ chạy lại chương trình rồi cầm lại điện thoại hiệu Oppo Neo 7 cho anh Đinh Điền T là chủ

cửa hàng với giá 700.000 đồng. A và N tiếp tục đem điện thoại Samsung Galaxy J2 còn lại đem đến cửa hàng điện thoại T ở Số 140 đường L, Phường 3, thành phố S cầm cho anh Trần Quang T là chủ cửa hàng với giá 700.000 đồng. Số tiền cầm 02 điện thoại có được A và N dùng để trả tiền công chạy chương trình điện thoại cho anh T là 300.000 đồng, đem trả nợ một người tên P nhưng không rõ họ tên, địa chỉ 400.000 đồng, số tiền còn lại A giữ 200.000 đồng còn N giữ 500.000 đồng. Sau khi cầm điện thoại xong, A và N đi về lại nhà của N thì nhận được tin Công an đã biết sự việc và đang tìm A nên cả hai bàn nhau sơn lại màu xe để tránh bị phát hiện, do ở nhà N có sẵn nước sơn màu bạc nên A lấy sơn lại màu xe từ trắng thành bạc, sau khi sơn xong A để xe lại nhà N rồi đi xe ôm về nhà, nhưng do được gia đình vận động nên A đã đến công an huyện X, tỉnh Sóc Trăng đầu thú còn Lê Thái N sau khi được cơ quan Điều tra mời làm việc đã thừa nhận toàn bộ hành vi cùng với A cướp giật điện thoại của người khác như đã nêu trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 07/KL.ĐGTS ngày 15-01-2019 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng kết luận: 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG Galaxy J2, màu hồng, đã qua sử dụng, giá trị sử dụng còn lại là 70%, với số tiền là 01 x 2.290.000 đồng x 70% = 1.603.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 27/CT-VKS.TPST ngày 16-4-2019 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng đã truy tố các bị cáo Trần Lộc A và Lê Thái N về tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d Khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố: Các bị cáo Trần Lộc A và Lê Thái N phạm tội "Cướp giật tài sản".

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm b, h, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với các bị cáo. Đề nghị xử phạt bị cáo A từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù, bị cáo N từ 03 năm đến 04 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đề cập xử lý.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được các bị cáo bồi thường xong và không yêu cầu bồi thường gi thêm nên không đề cập xử lý.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm b Khoản 2, điểm b Khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Trả lại cho bị cáo Trần Lộc A: 01 điện thoại di động hiệu Mobistar, màu trắng.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: tiền Việt Nam là 82.000 đồng.

Tại phiên tòa, những người bị hại là bà Lâm Thị Mỹ C và bà Thạch Minh T vắng mặt nên Hội đồng xét xử xem xét lời khai của những người bị hại trong quá trình điều tra thì những người bị hại thừa nhận đã nhận lại tài sản và không yêu cầu các bị cáo bồi thường. Về hình phạt người bị hại T xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, còn người bị hại C yêu cầu xử phạt các bị cáo theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đinh Điền T và ông Trần Quang H vắng mặt nên Hội đồng xét xử xem xét lời khai của người liên quan trong quá trình điều tra thì nngười liên quan thừa nhận có cầm 02 điện thoại di động do các bị cáo đem đến nhưng không biết do các bị cáo phạm tội mà có. Nay những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã giao nộp 02 điện thoại di động cho cơ quan Điều tra và đã được các bị cáo bồi thường xong nên không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại phiên toà, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, thừa nhận Cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng tội. Ngoài ra, các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền là 1.400.000 đồng. Các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra và truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Ngoài ra, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa, những người bị hại là bà Lâm Thị Mỹ C, bà Thạch Minh T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đinh Điền T, ông Trần Quang H vắng mặt không có lý do. Xét thấy, trong quá trình điều tra thì những người nêu trên đã có lời khai rõ ràng về các tình tiết của vụ án và việc vắng mặt của những người nêu trên cũng không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng Hình sự để xét xử vắng mặt đối với những người nêu trên.

[3]. Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Lộc A và Lê Thái N đã khai nhận:

Do các bị cáo đều nghiện ma túy vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng nên vào ngày 10-01-2019 trước cổng Công ty may T trong Khu công nghiệp A và chùa S thuộc thành phố S các bị cáo đã 02 lần thực hiện hành vi cướp giật tài sản của những người đang điều khiển xe mô tô lưu thông trên đường. Các bị cáo đã chiếm đoạt được 01 điện thoại di động hiệu OPPO neo 7 và 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy J2 rồi đem cầm được 1.400.000 đồng, số tiền có được các bị cáo tiêu xài cá nhân hế. Qua định giá tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt có tổng giá trị là 2.917.0000 đồng.

[4]. Lời khai nhận hành vi phạm tội của các bị cáo là hoàn toàn phù hợp với lời khai của các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác trong quá trình điều tra cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định:

Các bị cáo đã cùng thống nhất sử dụng xe mô tô làm phương tiện để giật tài sản của những người bị hại đang điều khiển xe mô tô lưu thông trên đường là phạm tội thuộc trường hợp dùng thủ đoạn nguy hiểm. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác một cách trái pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử kết luận các bị cáo phạm tội "Cướp giật tài sản" theo điểm d Khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Cho nên Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Mặc dù các bị cáo đã cùng thống nhất thực hiện hành vi phạm tội, nhưng giữa các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ, phân công vai trò cụ thể cho từng bị cáo nên không thuộc trường đồng phạm có tổ chức mà chỉ là đồng phạm giản đơn. Vai trò cụ thể của từng bị cáo như sau:

Đối với bị cáo Trần Lộc A là người khởi xướng, rủ rê bị cáo N cùng giật tài sản của những bị hại. Bị cáo là người đã cung cấp xe mô tô để làm phương tiện rồi cùng với bị cáo N thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo còn là người thực hành tích cực, khi bị cáo N điều khiển xe mô tô áp sát xe của những người bị hại thì chính bị cáo là người trực tiếp dùng tay giật điện thoại di động của những người bị hại. Nên cần xử phạt bị cáo nghiêm khắc hơn thì mới tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng vì đã 02 lần thực hiện hành vi cướp giật tài sản của những người bị hại nên bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên. Cần áp dụng tình tiết tặng nặng được quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để tăng nặng một phần hình phạt đối với bị cáo.

Tuy nhiên, xét về nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo. Tài sản đã kịp thời thu hồi trả cho những người bị hại nên bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền là 700.000 đồng. Sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú. Người bị hại T xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cần được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Đối với bị cáo Lê Thái Ng là một đồng phạm với vai trò là người giúp sức tích cực, sau khi nghe bị cáo A khởi xướng, rủ rê cùng giật điện thoại di động của những người bị hại thì bị cáo đồng tình hưởng ứng. Chính bị cáo là người trực tiếp điều khiển xe mô tô chở bị cáo A áp sát xe của những người bị hại để A dùng tay giật điện thoại di động của những người bị hại. Nên cần xử phạt bị cáo nghiêm thì mới tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng vì đã 02 lần thực hiện hành vi cướp giật tài sản của những người bị hại nên bị cáo phạm tội thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên. Cần áp dụng các tình tiết tặng nặng được quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để tăng nặng một phần hình phạt đối với bị cáo.

Tuy nhiên, xét về nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Sau khi phạm tội bị cáo thành khẩn khai báo. Tài sản đã kịp thời thu hồi trả cho những người bị hại nên bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền là 700.000 đồng. Người bị hại T xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo có ông nội ông Lê Hoàng B là người có công với nước. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cần được áp dụng để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[9]. Về trách nhiệm dân sự: Những người bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được các bị cáo bồi thường xong và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[10]. Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Mobistar, màu trắng là của cá nhân bị cao An không dùng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo A.

Đối với số tiền Việt Nam 82.000 đồng là tiền do các bị cáo phạm tội mà có nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

[11]. Đối với ông Đinh Điền T và ông Trần Quang H là những người đã cầm điện thoại của các bị cáo nhưng không biết do các bị cáo phạm tội mà có nên không truy cứu trách nhiệm hình sự.

[12]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[13]. Xét lời đề nghị của Kiểm sát viên về tội danh và việc áp dụng pháp luật là có căn cứ. Về hình phạt cần xử phạt các bị cáo ở mức trung bình như Kiểm sát viên đề nghị là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm b, h, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Trần Lộc An.

Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 171; điểm g Khoản 1 Điều 52; điểm b, h, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Lê Thái Nguyên.

Căn cứ vào điểm b Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Căn cứ vào điểm b Khoản 2, điểm b Khoản 3 Điều 106; Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Các bị cáo Trần Lộc A và Lê Thái N phạm tội "Cướp giật tài sản".

1. Xử phạt bị cáo Trần Lộc A 04 (*bốn*) năm tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 10-01-2019.

2. Xử phạt bị cáo Lê Thái N 03 (*ba*) năm 06 (*sáu*) tháng tù. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 11-01-2019.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Những người bị hại là bà Lâm Thị Mỹ C và bà Thạch Minh T đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đinh Điền T và ông Trần Quang H đã được bồi thường xong và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về xử lý vật chứng:

Trả lại cho bị cáo Trần Lộc A: 01 điện thoại di động hiệu Mobistar, màu trắng.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước: tiền Việt Nam là 82.000 đồng.

5. Về án phí: Buộc mỗi bị cáo phải nộp là 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho các bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tống đạt hợp lệ theo quy định pháp luật. Để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thành phố Sóc Trăng;
- Công an thành phố Sóc Trăng;
- CQTHAHS – Công an thành phố Sóc Trăng;
- Chi cục THA Dân sự thành phố S;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIEN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Quốc Định